

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA NHÀ MÁY DỆT MINH KHAI THUỘC CÔNG TY TNHH MTV DỆT 19/5 HÀ NỘI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẦU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU

**NHÀ MÁY DỆT MINH KHAI
THUỘC CÔNG TY TNHH MTV DỆT 19/5 HÀ NỘI**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MTV DỆT 19/5 HÀ NỘI

Địa chỉ: 423 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3 8624 721 Fax: 04.3 8624 255

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082

Tháng 11 năm 2014

Mục lục

PHẦN I:	CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	3
PHẦN II:	CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ	5
I.	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN	5
II.	ĐƠN VỊ CHÀO BÁN	5
III.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	5
PHẦN III:	DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN IV:	GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	7
I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CPH.....	7
1.	Tên, địa chỉ của doanh nghiệp	7
2.	Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty	7
3.	Ngành nghề kinh doanh:	11
4.	Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	12
5.	Cơ cấu tổ chức Nhà máy Dệt Minh Khai trước khi cổ phần hóa	13
6.	Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	15
7.	Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH.....	17
8.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	18
9.	Danh sách công ty mẹ và công ty con.....	21
10.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa	21
11.	Vị thế của Nhà máy so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	31
II.	PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	33
1.	Mục tiêu cổ phần hóa	33
2.	Điều kiện cổ phần hóa.....	33
3.	Hình thức cổ phần hóa	33
4.	Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	34
5.	Phương án sản xuất kinh doanh:.....	40
6.	Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa:	41
7.	Kế hoạch đầu tư nhằm cân đối và phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có giai đoạn 2015-2017.....	41
8.	Dự kiến các chỉ tiêu chính 3 năm sau Cổ phần hóa từ 2015 đến 2017:.....	42
9.	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi CPH:.....	43
10.	Tổ chức và tiến độ thực hiện	45
PHẦN V:	VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	46

1	Vốn điều lệ	46
2	Cơ cấu vốn điều lệ	46
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN		47
I.	PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN	47
1.	Rủi ro về kinh tế	47
2.	Rủi ro pháp lý	48
3.	Rủi ro đặc thù	48
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	50
5.	Rủi ro khác	50
II.	PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	50
III.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	51
IV.	LƯU Ý VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NHÀ MÁY DỆT MINH KHAI	51
V.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	51

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100 vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ (thay thế thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011);
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị

định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;
- Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành các Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thuộc Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-STC-BCĐ ngày 18/3/2014 của Sở Tài chính Hà Nội về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thuộc Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.
- Căn cứ Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 và phương án cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thuộc Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội.
- Căn cứ vào Hợp đồng số 30/2014/HĐDV/TV/WSS-HATEXCO giữa Công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall và Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội ngày 24/09/2014 về việc tư vấn cổ phần hoá Nhà máy Dệt Minh Khai.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ

I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI

- Địa chỉ: 20 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3 858 4551 Fax: (84.4) 3 858 5392

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082

PHẦN III: DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGD	:	Ban Giám đốc.
KTT	:	Kế toán trưởng.
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên.
HDLĐ	:	Hợp đồng lao động.
TSCĐ	:	Tài sản cố định.
TSLĐ	:	Tài sản lưu động.
SGDCK	:	Sở Giao dịch chứng khoán.
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
UBND	:	Ủy ban nhân dân.
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội.
KHKT	:	Kế hoạch kỹ thuật.
CPH	:	Cổ phần hóa.

DNNN	:	Doanh nghiệp Nhà nước.
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh.
KT-XH	:	Kinh tế xã hội.
CNKT	:	Công nhân kỹ thuật.
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp.

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ : NHÀ MÁY DỆT MINH KHAI
- Tên gọi tắt : MIKHATEX
- Tên tiếng Anh : MINH KHAI TEXTILE COMPANY
- Địa chỉ : 423 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại : 04.3 8 624 271 Fax: 04.3 8 624 255
- Email : mikhatex@fpt.vn
- Website : www.mikhatex.com
- Tài khoản : 0141 000 722 009 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình
 - Chi nhánh Hà Nội
- Cơ quan chủ quản : Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội
- Loại hình doanh nghiệp : là nhà máy hạch toán phụ thuộc, toàn bộ số liệu hoạt động của Nhà máy Dệt Minh Khai được Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội theo dõi. Nhà máy được trao quyền chủ động về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh dưới sự giám sát của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội.

2. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty

2.1. Lịch sử hình thành

Là một đơn vị của ngành công nghiệp Hà Nội, Nhà máy Dệt Minh Khai trước khi thành lập là nhà máy dệt khăn mặt khăn tay.

Nhà máy Dệt Minh Khai được khởi công xây dựng từ cuối những năm 1960 đầu những năm 1970. Đây là thời kỳ cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc đang ở giai đoạn ác liệt nhất. Vì vậy, việc xây dựng Nhà máy có những thời gian gián đoạn và phải đi sơ tán trên nhiều địa điểm khác nhau.

Năm 1974 Nhà máy cơ bản được xây dựng xong và được chính thức thành lập theo quyết định số 25 QĐ - UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 20-3-1974. Cũng trong năm đó, Nhà máy bắt đầu đi vào sản xuất thử. Từ năm 1975 trở đi Nhà máy chính thức nhận

kế hoạch của Nhà nước giao. Đến năm 1993, nhà máy dệt khăn mặt khăn tay đổi tên thành Công ty Dệt Minh Khai theo quyết định số 5934 QĐ-UB của UBND thành phố ngày 04-01-1993.

Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty ban đầu là sản xuất khăn mặt, khăn bông khăn tắm, khăn tay... phục vụ chủ yếu cho nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Giai đoạn đầu từ năm 1975 - 1980, số cán bộ công nhân viên là 415 người với hơn 100 máy dệt đi vào hoạt động.

Từ những năm 1981 đến năm 1989 là thời kỳ ổn định phát triển với tốc độ cao của Công ty. Trong những năm này, Công ty được thành phố đầu tư thêm dây chuyền dệt kim đan dọc để dệt các loại vải tuyn, valide và rèm...

Năm 1981, Công ty đã ký hợp đồng xuất khẩu dài hạn sang Cộng hoà dân chủ Đức và Liên Xô (cũ).

Năm 1983, Công ty bắt đầu sản xuất khăn ăn xuất khẩu cho thị trường Nhật Bản và đã chiếm lĩnh thị phần này ngày một lớn.

Từ năm 1988 đến nay, Công ty được Nhà nước cho phép thực hiện xuất khẩu trực tiếp, và là doanh nghiệp đầu tiên ở miền Bắc được Nhà nước cho phép làm thí điểm về xuất nhập khẩu trực tiếp sang thị trường nước ngoài.

2.2. Quá trình phát triển

a. Giai đoạn hình thành đến năm 1980 của Công ty. (1975-1980)

Công ty dệt Minh Khai phát triển và đi lên từ những điều kiện ban đầu rất khó khăn về mọi mặt. Cụ thể là số thiết bị ban đầu của công ty chỉ có 260 máy dệt thoi của Trung Quốc. Tài sản cố định lúc thành lập chỉ có gần 3 triệu đồng.

Ngoài ra, trong quá trình phát triển và đi lên Công ty còn gặp muôn vàn những khó khăn khác như cơ sở hạ tầng thấp kém, nhà xưởng xây dựng chưa hoàn thiện, trang thiết bị do Trung Quốc viện trợ và lắp đặt không đồng bộ, thậm chí còn sử dụng những thiết bị lạc hậu cũ nát. Lúc đầu dây chuyền sản xuất không hoạt động được phải chuyển sang làm theo phương pháp thủ công. Công ty dệt Minh Khai là doanh nghiệp đầu tiên của miền Bắc sản xuất mặt hàng khăn bông nên nhiều thông số kỹ thuật không có sẵn. Do vậy bước đầu khi đi vào sản xuất còn gặp nhiều bỡ ngỡ, vừa làm vừa mày mò tìm tòi. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật công nhân lành nghề còn thiếu nhiều. Trong những năm đầu số cán bộ công nhân viên của công ty là 415 người và hơn 100 máy dệt thực sự đi vào hoạt động.

Năm 1975 năm đầu tiên đi vào hoạt động, Công ty mới chỉ đạt được: Giá trị tổng sản lượng

xấp xỉ 2,5 triệu đồng. Sản phẩm chủ yếu đạt xấp xỉ 2 triệu khăn các loại.

Tuy nhiên trong những năm tiếp theo, Công ty đã dần dần đi vào ổn định, hoàn thiện nhà xưởng, đầu tư, nâng cấp thêm máy móc thiết bị, đào tạo thêm lao động để tăng năng lực sản xuất.

b. Giai đoạn từ năm 1981-1989.

Từ những năm 1981 đến năm 1989 là thời kỳ ổn định phát triển với tốc độ cao của Công ty. Trong những năm này, Công ty được thành phố đầu tư thêm một dây chuyền dệt kim đan dọc để dệt các loại vải tuyn, valide và rèm... Như vậy về sản xuất Công ty đã được giao cùng một lúc quản lý và triển khai thực hiện hai quy trình công nghệ dệt khác nhau là dệt thoi và dệt kim. Công ty đã thực sự chú trọng đầu tư để đồng bộ hoá toàn bộ dây chuyền sản xuất. Bằng mọi biện pháp kinh tế kỹ thuật Công ty đã đưa dần toàn bộ những thiết bị ở khâu đầu như nồi hơi, nồi nấu cao áp, máy nhuộm, máy sấy sợi đi vào hoạt động phục vụ cho sản xuất, chấm dứt tình trạng khâu đầu phải đi làm thủ công và thuê ngoài.

Trong thời kỳ này về sản xuất, để giải quyết những vấn đề khó khăn về cung cấp nguyên vật liệu và thị trường, chủ động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chuyển hướng sản xuất để xuất khẩu (công ty xuất khẩu sang cả hai thị trường là xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa).

Năm 1981, thông qua TEXTIMEX, Công ty đã ký hợp đồng xuất khẩu dài hạn sang Cộng hoà dân chủ Đức và Liên Xô (cũ).

Năm 1983, Công ty bắt đầu sản xuất khăn ăn xuất khẩu cho thị trường Nhật Bản với sự giúp đỡ của UNIMEX Hà Nội và đã chiếm lĩnh thị phần này ngày một lớn. Từ năm 1988 đến nay, Công ty được Nhà nước cho phép thực hiện xuất khẩu trực tiếp và là doanh nghiệp đầu tiên ở miền Bắc được Nhà nước cho phép làm thí điểm về xuất nhập khẩu trực tiếp sang thị trường nước ngoài.

c. Giai đoạn phát triển của Công ty trong cơ chế thị trường.

Bước vào thời kỳ những năm 1990 nền kinh tế nước ta chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới theo tinh thần nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Trong thời gian này tình hình chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng biến động nhiều, Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các quan hệ bạn hàng của Công ty với các nước này không còn, Công ty cũng mất đi một phần bạn hàng quan trọng và truyền thống.

Thêm vào đó vốn phục vụ cho sản xuất thiếu nghiêm trọng, máy móc thiết bị đầu tư ở giai đoạn trước đã cũ kỹ lạc hậu không đáp ứng cho nhu cầu sản xuất mới. Đội ngũ lao động của Công ty quá đông vốn quen với cơ chế bao cấp cũ nay chuyển sang làm việc trong cơ

chế quản lý mới còn nhiều bờ ngõ chưa dễ dàng thích nghi với những thay đổi mới trong công việc.

Trong hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành và phát triển của Công ty, có thể nói đây là thời kỳ mà Công ty gặp phải những khó khăn lớn nhất, những thử thách khắc nghiệt nhất. Với tình hình như vậy, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp trên, sự hỗ trợ của các đơn vị bạn, toàn thể Công ty đã phát huy tinh thần năng động sáng tạo tập trung tháo gỡ dần những khó khăn, cùng nhau giải quyết những vấn đề quan trọng nhất thị trường, về vốn và về tổ chức lại sản xuất, lựa chọn bố trí lại đội ngũ lao động... Nhờ đó Công ty đã từng bước thích nghi lại với cơ chế thị trường, ổn định và phát triển sản xuất theo hướng xuất khẩu là chính, hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước, bảo toàn và phát triển được vốn cho sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống cán bộ nhân viên.

d. Giai đoạn phát triển từ năm 1998 đến nay.

Bước sang năm 1998, do ảnh hưởng chung của tình hình khu vực cũng như trên toàn thế giới, Công ty Dệt Minh Khai đứng trước thử thách lớn về tài chính và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của Công ty là Nhật Bản. Nhưng với tình hình tài chính của Nhật Bản trong năm 1998 và những năm gần đây thì đồng Yên bị mất giá nhiều so với đồng Đôla Mỹ, do đó Nhật đã buộc phải hạn chế nhập khẩu và người dân Nhật phải cắt giảm chi phí do vậy mà việc xuất khẩu sang Nhật bị giảm đáng kể. Các khách hàng Nhật Bản liên tiếp yêu cầu giảm giá và số lượng đặt hàng cũng giảm đi, điều này đã làm ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó Công ty đã cố gắng bằng mọi biện pháp giảm chi phí đầu vào, tổ chức lại cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm để giảm giá thành sản phẩm. Qua đó Công ty có thể giữ được thị phần của Nhật trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt, đồng thời Công ty có những bước chuẩn bị mọi điều kiện và khả năng mở rộng thị trường sang khu vực Tây Âu. Chính nhờ những nỗ lực cố gắng không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, nên mặc dù trong giai đoạn này gặp nhiều khó khăn nhưng một số chỉ tiêu cơ bản của Công ty đã tăng lên đáng kể.

Ngày 01/3/2011, UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 991/QĐ - UBND về việc sáp nhập Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt Minh Khai vào Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội và Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt Minh Khai trở thành Nhà máy Dệt Minh Khai - một nhà máy của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội tiếp nhận nguyên trạng Dệt Minh Khai:

+ Dệt Minh Khai làm ăn thua lỗ và chuyển toàn bộ số lỗ lũy kế sang Công ty TNHH MTV

Dệt 19/5 Hà Nội số tiền: 27.165.596.715 đồng.

- + Hệ thống máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, dây truyền Trung Quốc, sản xuất không hiệu quả.
- + Công nhân nhà máy phần lớn sắp đến tuổi nghỉ hưu, và không còn muốn gắn bó với Công ty do qua nhiều năm thua lỗ, Công ty thường xuyên nợ lương cán bộ công nhân viên.
- + Nhà máy Dệt Minh Khai vẫn nợ BHXH nên việc giải quyết chế độ cho người lao động chưa thực hiện tốt (thủ tục làm sổ hưu, trợ cấp thất nghiệp...) do phía bảo hiểm không chốt được số tiền đóng bảo hiểm cho người lao động thôi việc.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100100495 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại lần thứ 2 ngày 25/12/2013, ngành nghề kinh doanh của Nhà máy bao gồm:

Bảng 01: Ngành nghề kinh doanh của Nhà máy

TT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất vải dệt thoi;	1312
2	Hoàn thiện các sản phẩm dệt;	1313
3	- Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông; + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự; + Các loại vải bằng đan móc khác. - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.	1321
4	Sản xuất, gia công hàng may sẵn;	1322
5	Sản xuất thảm, chăn, đệm;	1323
6	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
7	Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;	4659
8	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;	9620
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của Nhà máy Dệt Minh Khai là: sản xuất và kinh doanh khăn mặt, khăn tắm, tã, thảm chùi chân, v.v ...

Các loại khăn hiện Nhà máy đang sản xuất được như sau:



- Khăn ăn dùng cho các nhà hàng và gia đình. Đối với loại khăn dùng cho các nhà hàng, Công ty bán cho cơ sở cung cấp khăn cho nhà hàng làm khăn ướt, loại khăn này chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, chỉ có một phần rất ít được tiêu thụ trong nước.
- Khăn rửa mặt: phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước nhưng chủ yếu tiêu thụ thông qua các nhà bán buôn, các đại lý lớn và các siêu thị.
- Khăn tắm: chủ yếu sản xuất cho nhu cầu xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Nhưng hiện nay xu hướng sử dụng khăn tắm trong nước cũng tăng lên, Nhà máy đã có hướng nghiên cứu mặt hàng khăn tắm phù hợp với nhu cầu trong nước và phục vụ cho nhu cầu quảng cáo, khuyến mại các sản phẩm khác như: nước gội đầu, sữa vệ sinh, dụng cụ thể thao...
- Bộ khăn dùng cho khách sạn bao gồm: khăn tắm, khăn mặt, khăn tay, thảm chùi chân và áo choàng tắm. Từ năm 2008 trở về trước, Nhà máy Dệt Minh Khai có các hợp đồng cung cấp

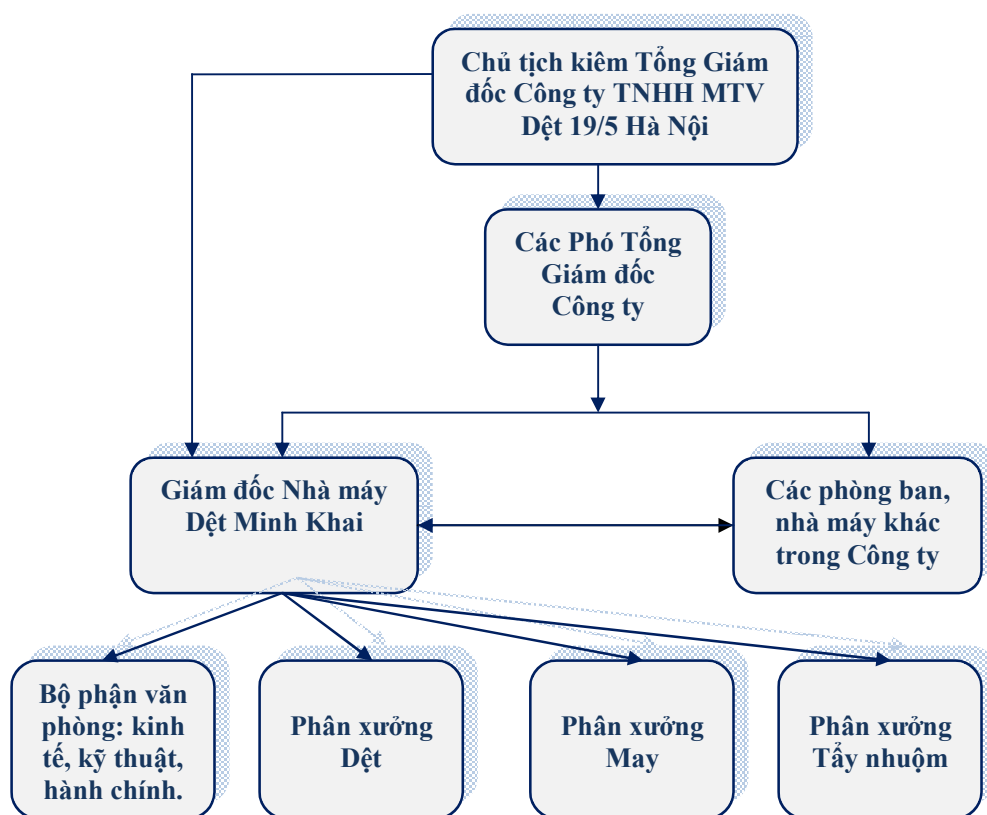
cho gần 100 khách sạn tại Nhật Bản thông qua công ty thương mại Nhật Bản ASAHI. Hiện nay nhà máy không đủ năng lực để cung cấp các loại mẫu khăn mới chất lượng cao nên số khách Nhật Bản còn thường xuyên lấy hàng của nhà máy chỉ còn 3-5 khách và chỉ đặt hàng với số lượng nhỏ, theo từng đơn hàng riêng lẻ.

Mặt khác, Nhà máy cũng nhận sợi, hoá chất, thuốc nhuộm của khách hàng để tiến hành sản xuất sản phẩm cho khách hàng qua các hợp đồng gia công. Loại hợp đồng này đối với Nhà máy không nhiều, tùy thuộc vào yêu cầu của khách hàng nhận gia công, đơn giá gia công, thời hạn giao hàng, định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

- Thị trường kinh doanh chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc chiếm khoảng 40-50% doanh thu, phần còn lại tiêu thụ tại thị trường nội địa phục vụ các khách sạn, nhà hàng và phục vụ dân sinh.

5. Cơ cấu tổ chức Nhà máy Dệt Minh Khai trước khi cổ phần hóa

Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:



Bộ phận văn phòng:

Là bộ phận gián tiếp của Nhà máy Dệt Minh Khai chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến hành chính như theo dõi nhân công, an toàn lao động, sắp xếp các công việc

về hợp đồng, đơn hàng sản xuất. Kiểm tra và đề xuất cho lãnh đạo Nhà máy các vấn đề về kỹ thuật, chất lượng, quy trình sản xuất...

Phân xưởng Dệt:

Là bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện sản xuất vải theo kế hoạch và đơn hàng đảm bảo đủ số lượng đúng chất lượng. Chịu trách nhiệm quản lý sản xuất, quản lý máy móc thiết bị...

Phân xưởng Tẩy Nhuộm

Thực hiện sản xuất các sản phẩm tẩy nhuộm theo kế hoạch, đảm bảo số lượng và chất lượng theo đúng yêu cầu, tuân thủ đúng quy trình sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn lao động; nghiên cứu đề xuất cải tiến kỹ thuật với lãnh đạo nhà máy.

Phân xưởng May

Trực tiếp sản xuất các sản phẩm may theo kế hoạch đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng. Chịu trách nhiệm quản lý quy trình sản xuất, máy móc thiết bị, sắp xếp bố trí lao động đạt hiệu quả cao nhất.

Các tổ chức chính trị đoàn thể trong Công ty

Đảng bộ Nhà máy trực thuộc Đảng bộ Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội, là đảng bộ có truyền thống phát triển vững mạnh. Tổng số đến 31/10/2014 là 30 đảng viên, sinh hoạt tại Chi bộ trực thuộc.

Công đoàn Nhà máy trực thuộc Công đoàn Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội, là một tổ chức công đoàn phát triển mạnh mẽ, cùng với chuyên môn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đến thời điểm 31/10/2014 có 205 đoàn viên công đoàn sinh hoạt tại Chi đoàn công đoàn Nhà máy là tổ chức công đoàn sơ sở trực thuộc.

Đoàn thanh niên Nhà máy cũng là một tổ chức phát triển mạnh, đến 31/10/2014 có 45 Đoàn viên sinh hoạt tại chi đoàn Nhà máy là chi đoàn trực thuộc.

Cùng với các tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội khác trong doanh nghiệp luôn được Nhà máy quan tâm và tạo điều kiện tốt để hoạt động, phát triển. Tổ chức Đảng luôn đạt trong sạch vững mạnh; tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn đạt vững mạnh và xuất sắc. Các tổ chức này đều phát huy tốt vai trò và sức ảnh hưởng của mình đến mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp, qua đó đã góp phần quan trọng trong việc ổn định và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Nhà máy sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Nhà máy dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Cụ thể như sau:

6.1 Số lao động có tên trong danh sách tại thời điểm công bố GTDN

Bảng 02: Phân loại lao động Nhà máy Dệt Minh Khai

TT	Nội dung	Tổng số (người)
I	Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	235
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	174
3	HĐLĐ xác định thời hạn từ 12-36 tháng	53
4	Lao động làm việc theo HĐ dưới 12 tháng	08
II	Phân loại theo trình độ lao động	235
1	Trên Đại học	01
2	Đại học, cao đẳng	27
3	Trung cấp, sơ cấp	04
4	Công nhân kỹ thuật	173
5	Lao động phổ thông	20
6	Bảo vệ	08
7	Lái xe	02
III	Phân loại theo giới tính	235
1	Lao động nam	78
2	Lao động nữ	257

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội báo cáo và theo Biên bản thẩm định thời gian công tác của Sở LĐTBXH và liên ngành ngày 15/9/2014)

6.2 Sắp xếp lao động sau cổ phần hóa Nhà máy

- Sử dụng lao động hiện có đáp ứng được yêu cầu công việc. Đối với lao động do không đủ sức khỏe, năng lực, trình độ hoặc do chuyển dịch cơ cấu lao động sẽ giải quyết theo các trường hợp sau:
- + Sắp xếp, bố trí hợp lý lao động phù hợp với trình độ chuyên môn.
- + Đào tạo nâng cao trình độ lao động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- + Đào tạo nghề mới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SX-KD của Công ty.
- + Giải quyết nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ theo quy định của pháp luật.
- + Số lao động trước khi sắp xếp : 235 người
- + Số lao động cần sử dụng theo yêu cầu SXKD CTCP : 225 người
- + Số lao động xin thôi việc tại thời điểm Công ty CPH : 20 người
- + Số lao động dự kiến sẽ tuyển mới : 10 người
- + Số lao động tiếp tục chuyển sang CTCP : 215 người

Bảng 03: Số lượng lao động chuyển sang Công ty cổ phần

STT	Trình độ chuyên môn	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	01	0,47
2	Đại học, cao đẳng	27	12,56
3	Trung cấp, sơ cấp	04	1,85
4	Công nhân kỹ thuật	173	80,47
5	Bảo vệ	08	3,72
6	Lái xe	02	0,93
	Tổng cộng	215	100

- Chế độ đối với người lao động thôi việc tại thời điểm Nhà máy cổ phần hoá giải quyết theo quy định của Bộ luật lao động Việt Nam năm 2012.

6.3 Kế hoạch sử dụng lao động giai đoạn 2015 - 2017

Giai đoạn tới Nhà máy sẽ triển khai thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Sau khi cổ phần hóa, trong năm đầu tiên, Công ty vẫn giữ bộ máy quản lý hiện có để ổn định tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từ năm thứ 2 trở đi, Công ty sẽ tiến hành rà soát lại bộ máy nhân sự của Công ty Cổ phần nhằm tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh cho phù hợp với mô hình mới.
- Phối hợp đồng bộ từ Công ty đến các phòng ban, phân xưởng, bộ phận trực thuộc để tinh giản bộ phận hành chính, giảm các chi phí không cần thiết, nâng cao năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh.
- Xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban, phân xưởng, bộ phận nghiệp vụ và các phân xưởng sản xuất.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CB-CNV đồng thời tuyển dụng thêm cán bộ, công nhân có trình độ, có năng lực, nhiệt tình công tác để bổ sung khi cần thiết.
- Nâng cao chất lượng lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra như: nghiên cứu định hướng chiến lược; mở rộng thị trường; nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm; thực hiện các giải pháp đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ phục vụ phát triển trong tương lai,... Thường xuyên rèn luyện và nâng cao tay nghề cho công nhân, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, thành thạo trong sản xuất và có nhiều cải tiến hợp lý hóa, nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1 Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Nhà máy Dệt Minh Khai, giá trị Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 của Nhà máy Dệt Minh Khai như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp : **59.469.474.794** đồng
- Tổng nợ thực tế phải trả : **27.757.752.537** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : **31.711.722.257** đồng

Bảng 04: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng	43.958.015.474	59.469.474.794	15.511.459.320
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	10.491.348.784	26.002.808.019	15.511.459.235
1. Tài sản cố định	10.491.348.784	26.002.808.019	15.511.459.235
- TSCĐ hữu hình	10.491.348.784	26.002.808.019	15.511.459.235
Nhà, vật kiến trúc	2.875.984.172	14.267.850.343	11.391.866.171
Máy móc thiết bị	7.606.353.364	11.690.277.266	4.083.923.902
Phương tiện vận tải	-	7.392.552	7.392.552
Dụng cụ quản lý	9.011.248	37.287.858	28.276.610
- TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Chi phí XD CB dở dang	-	-	-

3. Tài sản dài hạn khác	-	-	-
II. Tài sản ngắn hạn	33.466.666.690	33.466.666.775	85
1. Tiền	822.327.966	822.328.051	85
<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>438.195.915</i>	<i>438.196.000</i>	85
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>384.132.051</i>	<i>384.132.051</i>	-
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2. Các khoản phải thu	14.241.230.524	14.241.230.524	-
3. Hàng tồn kho	13.317.883.882	13.317.883.882	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	5.085.224.318	5.085.224.318	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
E. Tổng giá trị thực tế của DN (A+B+C+D)	43.958.015.474	59.469.474.794	15.511.459.320
Trong đó:	43.958.015.474	59.469.474.794	15.511.459.320
Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)			
E1. Nợ thực tế phải trả	27.757.752.537	27.757.752.537	-
Trong đó: Quỹ khen thưởng phúc lợi	60.488.232	60.488.232	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp{A-(E1+E2)}	16.200.262.937	31.711.722.257	15.511.459.320

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Nhà máy Dệt Minh Khai tại thời điểm 31/12/2013)

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1 Tình hình sử dụng đất

- Hiện nay, Nhà máy Dệt Minh Khai - Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội đang sử dụng duy nhất 01 khu đất với thông tin chi tiết như sau:

Bảng 05: Bảng kê đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

T T	Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê đất		Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
			Bắt đầu	Kết thúc			
1	423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trung, Hà Nội	38.155,9	14/02 /2012	01/01 /2016	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 4368/QĐ- UBND ngày 18/7/2013 của UBND Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Hình thức sử dụng đất hiện tại của Công ty đối với lô đất là thuê đất trả tiền hàng năm thông qua hợp đồng thuê đất. Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần của Công ty là lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, do vậy theo quy định không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

Theo Quyết định số 4368/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc cho Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội thuê 38.155,9 m² đất tại số 423 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định tại Bản vẽ chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500 do Viện quy hoạch Xây dựng Hà Nội lập và hoàn thành ngày 31/07/2012 theo thông báo diện tích số 12.079/TBĐT-CTĐC-KTCN ngày 20/12/2012 của Công ty TNHH NN MTV địa chính Hà Nội và bản vẽ bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH MTV Địa chính Hà Nội lập tháng 05/2012 – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thẩm định ngày 28/06/2012. Trong tổng số 38.159,9m² đất có:

- + 30.896,9m² nằm trong chỉ giới đường đỏ để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở sản xuất kinh doanh; thời gian thuê đất kể từ ngày 14/02/2012 đến ngày 01/01/2016 (ngày UBND thành phố có Quyết định số 744/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung phương án sắp xếp, xử lý lại cơ sở nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ đến ngày hết hạn theo Hợp đồng thuê đất).
- + 7.259m² đất nằm trong chỉ giới đường đỏ Công ty không được xây dựng thêm công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

Theo thông báo tạm thu tiền thuê đất số 1204/CCT-TBTK ngày 12/12/2013 của Cục thuế TP Hà Nội - Chi cục thuế Hai Bà Trưng:

- + Tổng số tiền thuê đất phải nộp năm 2013 là: 19.484.501.000 đồng, trong đó:

- Số TTĐ phải nộp năm 2013 là: 5.164.332.000 đồng
- Số tiền phạt nộp chậm: 2.993.695.000 đồng

Số tiền thuê đất Nhà máy Dệt Minh Khai nợ lên đến 14.319.169.000 đồng do hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ liên tiếp trong các năm 2009, 2010 và năm 2011 Nhà máy bị sáp nhập về Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội, kể từ đó Nhà máy chỉ cố gắng duy trì sản xuất để giải quyết công ăn việc làm và trang trải tiền lương cho người lao động, toàn bộ các khoản phải nộp khác về thuê đất, bảo hiểm... đều không có nguồn chi trả.

Theo Quyết định 5379/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 và phương án cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thuộc Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội. Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện lập phương án di dời cơ sở sản xuất ra địa điểm mới phù hợp với quy hoạch đã phê duyệt.

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và thực hiện mọi nghĩa vụ về quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thay đổi mục đích sử dụng đất phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích ghi trong hợp đồng, nếu sử dụng đất sai mục đích, không hiệu quả, UBND Thành phố Hà Nội sẽ thu hồi theo quy định hiện hành của Luật Đất đai.

8.2 Tình hình tài sản doanh nghiệp đang sử dụng

Bảng 06: Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2013

(Đơn vị: đồng)

T T	Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
			Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.723.293.735	2.875.984.172	14.267.850.019	11.391.866.171
2	Máy móc, thiết bị	41.277.378.942	7.606.353.364	11.690.277.266	4.083.923.902
3	Phương tiện vận tải	36.962.759		7.392.552	7.392.552
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	95.205.090	9.011.248	37.287.858	28.276.610
	Tổng cộng	53.132.840.526	10.491.348.784	26.002.808.019	15.511.459.235

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Nhà máy Dệt Minh Khai)

Nhà máy Dệt Minh Khai là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, giá trị tài sản

cổ định: nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, dây truyền sản xuất... chiếm khoảng 23,87% trong tổng tài sản của Nhà máy. Hầu hết cơ sở vật chất của Nhà máy bao gồm phần nhà cửa và vật kiến trúc đều có thời gian sử dụng bình quân trên 15 năm. Trong Phụ lục đánh giá lại tài sản cổ định là nhà cửa, vật kiến trúc, đơn vị định giá là Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam nhận xét hầu hết nhà xưởng của Nhà máy đều đã xuống cấp: móng lún cục bộ; khung cột bong tróc; kết cấu đỡ mái han rỉ, cong vênh; trần vồng, tôn móp méo cong vênh và han rỉ.. Hàng loạt nhà xưởng được xây dựng từ năm 1974 đã hết khấu hao và hư hỏng nặng, khi xác định giá trị doanh nghiệp đã không đánh giá lại như: nhà xưởng chuẩn bị, nhà xưởng dệt 1, nhà xưởng khu máy hồ mắc Nhật, nhà xưởng khu máy GA799-I, nhà kho vật tư, nhà xưởng Koket vắn sấy dệt kim, nhà phân xưởng tẩy nhuộm... Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến nay, Nhà máy không có sự biến động về TSCĐ.

9. Danh sách công ty mẹ và công ty con

Công ty chịu sự quản lý trực tiếp từ Công ty mẹ là:

Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội

Địa chỉ: 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: 043 858 4551/ 858 4616

Fax: 043 858 5392

Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100100495 đăng ký lần đầu ngày 12/09/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp:

- Sản xuất Sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc; Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: tấm dệt khổ hẹp; sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua; sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác; sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh; Sản xuất sợi nhân tạo; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

Bảng 07: Cơ cấu doanh thu thực hiện 2011 – 2013

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ Tổng DTT (%)
	Tổng doanh thu thuần	50.263,15	100	86.395,33	100	87.102,64	100
	* Trong đó:						
	- Doanh thu XK	25.632,10	51,00	47.147,80	54,57	44.532,58	51,13
	- Doanh thu nội địa	24.631,05	49,00	39.247,53	45,43	42.570,06	48,87

(Nguồn: Sổ sách kế toán Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Nhìn chung, trong 3 năm 2011, 2012, 2013 là những thời điểm rất khó khăn không chỉ cho Nhà máy mà toàn bộ nền kinh tế trong nước. Việc trụ vững trên thị trường và duy trì ổn định kinh doanh, ổn định việc làm, thu nhập và đời sống người lao động là mục tiêu cao nhất của hầu hết các doanh nghiệp.

Trong các năm vừa qua, doanh thu thuần của Nhà máy Dệt Minh Khai có sự tăng trưởng dần lên theo qua từng năm. Tổng doanh thu năm 2012 đạt 86,39 tỷ đồng tăng 54,2% so với năm 2011, năm 2013 tổng doanh thu đạt 87,1 tỷ đồng tăng 12,2% so với năm 2012. Sản lượng sản phẩm các mặt hàng liên tục tăng trưởng, mặc dù thu nhập của người lao động được cải thiện nhưng vẫn chưa đạt được mục tiêu của Nhà máy đã đặt ra.

Bảng 08: Cơ cấu sản lượng sản phẩm thực hiện năm 2011-2013

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng/ Tổng SL (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng/ Tổng SL (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng/ Tổng SL (%)
1	- Khăn các loại	461	94,86	715	95,33	798	94,66
2	- Tã các loại	15	3,09	20	2,67	28	3,32
3	- Thảm các loại	10	2,06	15	2,00	17	2,02
	Tổng cộng	486	100	750	100	843	100

(Nguồn sổ sách kế toán: Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

10.2 Nguồn nguyên vật liệu

Nhà máy hoạt động trong lĩnh vực dệt khăn bông các loại, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Nhà máy.

Nhà máy hiện đang dùng nguồn nguyên vật liệu chính là sợi Cotton được cung ứng trực tiếp từ Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội.

Công ty mẹ chủ yếu nhập khẩu bông từ Ấn Độ và Nam Phi, việc sản xuất sợi Cotton của Công ty mẹ cũng bị ảnh hưởng của giá nguyên liệu đầu vào luôn biến động (giá bông từ đầu năm 2014 đến nay đã tăng 15% từ 19 USD/kg lên 21,8 USD/kg; bên cạnh đó tỷ giá USD cũng liên tục tăng từ 21.120 đồng/USD lên 21.500 đồng/USD) nên giá thành tăng đáng kể.

- Nguồn cung bông của Công ty mẹ tương đối ổn định do các nhà cung cấp đã có quan hệ hợp tác lâu dài, hợp đồng cung ứng được ký kết đầy đủ, chặt chẽ nên mặc dù có biến động về giá nhưng số lượng bông được nhập khẩu về vẫn đều đặn, đảm bảo chất lượng, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu thụ. Nhờ đó Nhà máy Dệt Minh Khai được đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào chính là sợi Cotton và sản xuất kịp tiến độ theo hợp đồng và các đơn hàng đã ký kết.

10.3 Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất là vấn đề mà tất cả các doanh nghiệp phải quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Nhà máy là sản xuất hàng tiêu dùng, do đó chi phí chủ yếu của Công ty là các chi phí: chi phí nguyên vật liệu, chi phí thuê đất, chi phí duy tu, sửa chữa nhà xưởng, chi phí nhân công, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác, khấu hao tài sản và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bảng 09: Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	52.748.374.113	104,94	76.943.391.812	89,06	82.246.143.982	94,42
Chi phí tài chính	0	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0
Chi phí quản lý	1.257.871.819	2,50	7.296.084.200	8,44	3.960.555.200	4,55
Tổng cộng chi phí	54.006.245.932	107,45	84.239.476.013	97,50	86.206.699.182	98,97
Doanh thu thuần	50.263.155.317		86.395.330.000		87.102.640.000	

(Nguồn sổ sách kế toán: Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội - Số liệu quản lý nội bộ tạm tính của Nhà máy Dệt)

Tổng chi phí 03 năm từ 2011 đến 2013 tăng dần qua các năm. Trong đó, chiếm tỷ trọng chủ yếu là chi phí giá vốn hàng bán (bình quân chiếm gần 96% doanh thu thuần của Nhà máy).

Năm 2011 Giá vốn hàng bán cao hơn doanh thu do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng mạnh (giá bông tăng cao nên đẩy giá sợi lên) dẫn đến doanh thu không đủ bù chi phí, Nhà máy chịu lỗ nặng, tại thời điểm sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội ngày 31/03/2011, khoản nợ lũy kế của Nhà máy Dệt Minh Khai là 27.165.596.715 đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp (đa phần là chi phí lương cán bộ nhân viên) cũng chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi phí. Chi phí quản lý năm 2012 tăng vọt do Nhà máy Dệt Minh Khai phải thực hiện chi trả hỗ trợ thôi việc cho công nhân nghỉ việc vì Nhà máy không sắp xếp được việc làm cho người lao động. Năm 2013 Nhà máy vẫn tiếp tục phải chi hỗ trợ cho công nhân nên chi phí quản lý chiếm tỷ trọng 4,55% doanh thu thuần.

Do Nhà máy hoạt động phụ thuộc Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội nên các khoản chi phí bán hàng, chi phí tài chính do Công ty mẹ chi trả.

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Sự phân bổ chi phí có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy. Chính vì vậy, việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy, Nhà máy cũng nhận thức được tầm quan trọng trong việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào đặc biệt là chi phí giá vốn sau khi cổ phần hóa để đảm bảo tăng trưởng ổn định.

Trên thực tế máy móc thiết bị của Nhà máy đã sử dụng lâu năm, công nghệ chưa được đầu tư cải tiến nên tiêu hao nhiên liệu lớn, phải sử dụng nhiều nhân công đứng máy nên chi phí hiện nay của Nhà máy Dệt Minh Khai tương đối lớn, thiếu tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành và đặc biệt là các doanh nghiệp mới thành lập có máy móc hiện đại, các hộ sản xuất ở làng nghề tại La Cả (Hoài Đức – Hà Nội), Làng Mẹo (Thái Bình), Làng nghề Phùng Xá (Mỹ Đức – Hà Nội)... với giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng, chất lượng tốt.

10.4 Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất

Hiện nay, thiết bị của Nhà máy không được đồng bộ, hầu hết là máy có trình độ công nghệ trung bình và đã lạc hậu, chỉ mới đáp ứng khoảng 50% nhiệm vụ sản xuất của nhà máy. Nhà máy Dệt Minh Khai đang sản xuất với 16 máy dệt Jacka, được đưa vào sử dụng từ năm 2000 – 2006; thiết bị phụ trợ: máy nén khí và nồi hơi đốt than sản xuất năm 2010.

Đa số các máy với công nghệ dệt đã lỗi thời nên không thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng về chủng loại và mẫu mã trên thị trường hiện nay.

Bảng 10: Thống kê máy móc, thiết bị tại thời điểm 31/12/2013 của Nhà máy Dệt Minh Khai

TT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng (cái)	Giá trị sổ sách		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	5	6	7	8	(9)=(7)-(8)
1	Máy dệt đầu Jăcka Palăng	Liên doanh	2000	4	7.293.601.380	7.050.482.135	243.119.245
2	Máy dệt Jăcka	Liên doanh	2001	8	12.890.972.155	11.378.648.089	1.512.324.066
3	Máy dệt Jăcka	Liên doanh	2003	4	8.803.964.435	6.066.989.951	2.736.974.484
4	Máy nối sợi dọc	Thụy Sĩ	2006	1	455.113.504	227.556.736	227.556.768
5	Máy hồ	Trung Quốc	2004	1	1.991.321.609	1.194.792.976	796.528.633
6	Máy nhuộm	Đức	2000	1	1.958.916.719	1.942.592.407	16.324.312
7	Máy nhuộm	Đức	2001	1	3.101.231.001	2.732.643.347	368.587.654
8	Máy nhuộm	Đức	2002	1	3.283.896.364	2.460.694.880	823.201.484
9	Dàn palăng	Việt Nam	2004	1	71.900.190	46.562.032	25.338.158
10	Máy nén khí	Đài Loan	2004	1	17.580.952	14.284.526	3.296.426
11	Máy nén khí	Đài Loan	2004	1	11.428.571	9.285.705	2.142.866
12	Máy nhuộm HF-OTN-2	Đài Loan	2008	1	989.446.817	379.287.963	610.158.854
13	Nồi hơi đốt than 2000kg/h	Việt Nam	2010	1	333.333.333	133.333.329	200.000.004
14	Máy vắt sợi Pegasus WS62-03A	Nhật	2009	1	15.000.000	10.500.000	4.500.000
15	Máy kiểm kim MCD-F5006D	Trung Quốc	2010	1	59.671.912	23.371.502	36.300.410
	Tổng cộng			28	41.277.378.942	33.671.025.578	7.606.353.364

(Nguồn sổ sách kế toán: Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

10.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhà máy Dệt Minh Khai đã có hơn 40 năm sản xuất và kinh doanh khăn mặt, khăn tắm, tã, thảm chùi chân, v.v ... Tuy Mikhatex có nhiều năm kinh doanh trên thị trường nhưng do bị sự cạnh tranh rất lớn của các đơn vị kinh doanh cùng mặt hàng cùng với các hộ SXKD nhỏ lẻ với giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng nên thương hiệu Mikhatex dần mất tính cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Do nguồn nhân lực đa phần đã lớn tuổi, tay nghề đã giảm sút, khả năng sáng tạo kém không thể theo kịp với công nghệ hiện đại. Để theo kịp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, Nhà máy cần phải thay đổi rất nhiều. Đầu tiên, Nhà máy cần phải tiến hành cổ phần hóa để huy động thêm vốn của các cổ đông, bổ sung nguồn vốn dùng để đầu tư mới tài sản cố định, máy móc thiết bị mới, hiện đại để có thể ứng dụng được tiến bộ khoa học kỹ thuật và không ngừng cải tiến, thiết kế ra mẫu. Nghiên cứu phương thức bán hàng, cung cấp dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, thay đổi mẫu mã kiểu dáng sản phẩm. Phân chia đối tượng khách hàng theo mục đích sử dụng để dễ dàng phục vụ và nghiên cứu sản phẩm tương ứng phù hợp.

Trong tương lai, Nhà máy sẽ chú trọng hơn vào công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để có thể tối ưu hóa được nguồn lực của Nhà máy. Đầu tư nâng cao tay nghề, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các công đoạn sản xuất, đảm bảo thực hiện sản xuất được các loại sản phẩm có tính kỹ thuật cao, chất lượng cao.

10.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Nhà máy rất chú trọng việc kiểm tra chất lượng dịch vụ nhưng do công nghệ đã lạc hậu nên chất lượng sản phẩm không phải lúc nào cũng đạt yêu cầu như mong muốn của khách hàng. Việc kiểm tra được thực hiện tại phân xưởng sản xuất cho từng mặt hàng cụ thể nhưng phải đảm bảo một số yêu cầu chủ yếu:

- Yêu cầu về nguyên phụ liệu: phải được kiểm soát từ khâu đặt hàng, giao nhận và bảo quản. Các chỉ tiêu chính được kiểm soát gồm độ bền màu, thành phần các loại thuốc nhuộm, tẩy, ... được sử dụng trong suốt vòng đời sản phẩm và sau khi thải bỏ sản phẩm.
- Yêu cầu về vệ sinh: Các sản phẩm khăn bông của Nhà máy phải đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người sử dụng do những hóa chất giặt, tẩy ...
- Yêu cầu về thẩm mỹ: các sản phẩm của Nhà máy phong phú về kiểu dáng, màu sắc ...
- Yêu cầu về kinh tế: Giá thành sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường.

10.7 Hoạt động Marketing

Hiện tại, việc quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh của Nhà máy chưa được quan tâm đúng mức. Hệ thống Website của Nhà máy chưa đưa được những thông tin hữu ích phục vụ khách hàng, các thông tin về sản phẩm, khuyến mại không được cập nhật thường xuyên để khách hàng được biết.

Nền kinh tế ngày càng phát triển, quá trình hội nhập diễn ra càng nhanh sẽ mang đến cho các doanh nghiệp trong nước nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức. Một trong

những thách thức đó chính là cạnh tranh. Để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, ngoài việc nâng cao năng lực sản xuất, trình độ công nghệ thì các Nhà máy cần phải chú trọng tới việc tìm kiếm thị trường, khai thác, quảng bá sản phẩm tới các khách hàng tiềm năng.

Khi thực hiện chủ trương chuyển đổi hình thức hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, nhằm đẩy mạnh và phát triển khả năng hoạt động của Nhà máy trong tương lai, trong thời gian tới và những năm tiếp theo Nhà máy sẽ không ngừng nỗ lực tiếp tục xây dựng quảng bá hình ảnh củng cố thương hiệu để có thể thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng hơn nữa.

10.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhà máy được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 187685 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 36432/QĐ-SHTT ngày 13/07/2012. (có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn – có thể gia hạn).



- Loại nhãn hiệu: thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình địa cầu
- Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu: nhóm 24.
 - + Vải dùng để làm ủng và giày; vải dùng cho ngành dệt; khăn lau mặt bằng vải; vải bông thô; khăn bông lau kính, khăn lau cốc (bằng bông); khăn tay bỏ túi bằng vải; khăn vải dùng trong nhà; vải lót dùng cho giày; khăn vải để lau sạch đồ hóa trang; khăn tắm (trừ quần áo); chăn; đồ vải dùng cho giường; khăn phủ giường; tấm trải phủ trên giường; vải; miếng lót cốc (bằng vải); vải bông; vỏ nệm; vải dệt sọc nổi; rèm cửa bằng vải; dạ thô làm thảm hoặc khăn trải bàn; vải sợi dệt; màn chống muỗi; khăn phủ gối; khăn phủ giường (vải dệt); khăn ăn bằng vải dệt; dải khăn chạy giữa bàn để trang trí; vải bọc nệm gối; khăn vải dùng để tẩy trang; khăn dệt; vải tuyn; thảm trang trí treo tường bằng vải.

10.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 11: Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Giá trị (đồng)
1	NO.01/MK-JPTOWA/2014	JAPAN TOWA MOKUGYO INC	Khăn mặt	Tháng 3/2014	27.504 USD

2	NO.01-2014/MK/SAWA	SAWASHOU CO.,LTD	Khăn mặt + Khăn tắm	Tháng 4/2014	4.444,80 USD
3	NO.01-2014/MK/REPOS	REPOS CO.,LTD	Khăn mặt + Khăn tắm	Tháng 2/2014	33.078,16 USD
4	NO.02/MK-HO/2014	HOUEI CO.,LTD	Khăn mặt + Khăn tắm	Tháng 6/2014	20.189.30 USD

(Nguồn: Nhà máy Dệt Minh Khai)

10.10 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 12: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	% 2010	Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2012
1	Tổng doanh thu thuần	50.263,15		86.395,33	154,2	87.102,64	112,2
	* Trong đó:						
	- Doanh thu XK	25.632,10		47.147,80	183,9	44.532,58	94,5
	- Doanh thu nội địa	24.631,05		39.247,53	159,3	42.570,06	108,5
2	Sản phẩm						
	- Khăn các loại	461 tấn		715 tấn		798 tấn	
	- Tã các loại	15 tấn		20 tấn		28 tấn	
	- Thảm các loại	10 tấn		15 tấn		17 tấn	
3	Lợi nhuận thuần	(3.743,09)		2.155,85		895,94	41,55
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần/vốn chủ sở hữu			13,3%		5,53%	
5	Thu nhập BQ người lao động (đồng/tháng)	2,517,0		3,413,0	136,4	4,091,0	119,9
6	Số lao động	355		261		243	

(Nguồn: Số liệu báo cáo Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Theo Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 01/03/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Công ty TNHH NN MTV Dệt Minh Khai và Công ty TNHH NN MTV Dệt 19/5 Hà Nội, sáp nhập nguyên trạng tài sản, các vấn đề tài chính bao gồm cả công nợ phải thu

phải trả, toàn bộ cán bộ công nhân viên, lao động hợp đồng của Dệt Minh Khai. Chấm dứt hoạt động của Dệt Minh Khai kể từ ngày 01/04/2011. Từ thời điểm đó, Dệt Minh Khai trở thành nhà máy hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội, không có tư cách pháp nhân, không có con dấu riêng.

Tại thời điểm có quyết định thực hiện cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai, Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội đã có Quyết định số 417/QĐ-D19/5 ngày 30/06/2014 về việc bàn giao vốn, tài sản, đất đai và lao động cho Nhà máy Dệt Minh Khai. Cụ thể:

- Lao động: 235 người;
- Diện tích đất quản lý: 38.155,9 m² – thuê trả tiền hàng năm để làm cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Tổng tài sản: 43.958.015.474 đồng
- Nợ phải trả: 27.753.235.537 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 16.200.262.937 đồng

10.11 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

✚ Thuận lợi

- Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội cùng Giám đốc Nhà máy Dệt Minh Khai và bộ phận quản lý năng động, đoàn kết nhất trí cao trong việc định hướng và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh.
- Kinh nghiệm của nhà máy góp phần không nhỏ trong việc khẳng định vị thế sản phẩm của nhà máy, từ đó hỗ trợ tích cực cho việc phát triển thị trường và nâng cao năng lực sản xuất của Nhà máy.
- Nhà máy bảo đảm việc làm cũng như thu nhập ổn định cùng với việc đảm bảo các chế độ cho người lao động từ sau khi sáp nhập (năm 2011) đã có tác dụng tích cực đối với sự phát triển bền vững của Nhà máy, giúp người lao động yên tâm làm việc và nỗ lực cống hiến.
- Việc duy trì hệ thống quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu quả cùng với các quy định, chế độ thưởng phạt nghiêm minh, đúng lúc, đúng chỗ thúc đẩy CB - CNV nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, gắn bó với công việc.
- Hoạt động thường xuyên, liên tục của tổ chức Đảng, Công đoàn Công ty đã gắn kết các hoạt động sản xuất kinh doanh với quyền lợi người lao động, góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của tập thể CB - CNV nhà máy tạo hiệu quả trong công việc.

- Ngoài ra, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng diễn ra sâu sắc với các chính sách mở và khuyến khích doanh nghiệp của Chính phủ đã tác động tích cực đến sự vận động đi lên của Công ty theo xu hướng chung, tạo nên sự chuyển biến tích cực trong tư duy, nhận thức và phương thức hoạt động.
- Cổ phần hóa Doanh nghiệp, xã hội hóa vốn đầu tư thu hút nguồn lực xã hội là cơ hội và động lực phát triển để mở rộng các mặt hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả.
- Lợi thế về thương hiệu, về hạ tầng cơ sở, về kinh nghiệm, về con người, về truyền thống và văn hóa Doanh nghiệp, về thị trường, khách hàng truyền thống đã được gây dựng suốt hơn nửa thế kỷ qua là cơ sở cho Công ty cổ phần hy vọng để phát triển tiếp ngành nghề truyền thống của Nhà máy. Công việc sau khi cổ phần hóa của Nhà máy là rất nhiều, Nhà máy cần có những cổ đông và người lãnh đạo phải thật tâm huyết để cơ cấu tổ chức lại nhà máy như: mua sắm mới máy móc thiết bị, tuyển lao động trẻ, quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường ...

Khó khăn

- Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong lĩnh vực dệt, may khiến chi phí tăng cao, thị trường giảm sút, mất dần tính độc quyền về sản phẩm dẫn đến lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm ngày càng giảm. Mặc dù thương hiệu Mikhatex có uy tín hơn 40 năm trên thị trường nhưng hiện đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị kinh doanh cùng mặt hàng và các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ với giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng nên đang dần mất tính cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.
- Sản phẩm của Nhà máy Dệt Minh Khai là sản phẩm thiết yếu, không thể thiếu trong sinh hoạt hàng ngày của người tiêu dùng và được sản xuất từ nguyên liệu sợi bông 100%. Sản phẩm của Nhà máy mang tính chất sử dụng nhiều lần, có tác dụng giữ gìn vệ sinh, và bảo vệ sức khỏe, tiêu dùng cho cá nhân nên yêu cầu phải bền, mềm, thấm nước, màu sắc mẫu mã phong phú, không phai màu, nhiều kích cỡ khác nhau, độ dày mỏng phù hợp.
- Hầu hết nhà xưởng và thiết bị của nhà máy đều đã xuống cấp, thuộc thế hệ cũ, tiêu hao năng lượng cao, năng suất sản xuất hàng hóa giảm theo thời gian sử dụng thiết bị nên Nhà máy gặp không ít khó khăn trong việc đa dạng hóa chủng loại và màu sắc của sản phẩm để cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành và thực tế cơ cấu sản phẩm của Nhà máy Dệt Minh Khai chưa đủ khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Do nhu cầu thị hiếu tiêu dùng của người dân ngày càng cao, cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật nên các loại máy móc thiết bị trên thế giới đã không ngừng cải tiến để có thể thiết kế ra những mẫu mới, Nhà máy Dệt Minh Khai phải đối mặt với thách thức đòi hỏi phải đổi mới sản phẩm, đổi mới thiết bị và công nghệ dẫn đến việc cần phải đầu tư lớn trong khi tiềm lực về tài chính của Nhà máy còn quá hạn chế.

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh, Marketing... nói chung tuy được đầu tư đáng kể song còn thiếu tính chuyên nghiệp do cơ chế quản lý và phương thức kinh doanh chuyển đổi chậm bởi ảnh hưởng từ cung cách làm việc của lao động và mô hình quản lý kinh doanh cũ.
- Thương hiệu Mikhatex đã được đầu tư đáng kể, song chưa đáp ứng xu thế phát triển, vì vậy mức độ ảnh hưởng thương hiệu trên thị trường bán lẻ nội địa chưa lớn, chưa xứng với tiềm lực và khả năng.
- Người lao động có thâm niên cao, có trình độ chuyên môn và tay nghề tương đối tốt nhưng vẫn chưa đáp ứng so với đòi hỏi phải thường xuyên đổi mới, áp dụng khoa học công nghệ mới trong quá trình hội nhập và phát triển như hiện nay. Đặc biệt nhân lực quản lý ở những vị trí then chốt, quan trọng về quản trị điều hành và kinh doanh còn thiếu và yếu.
- Từ ngày thành lập đến nay, Nhà máy đã tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh qua hai thời kỳ phát triển với hai cơ chế quản lý khác biệt nhau về chất: Cơ chế kế hoạch hoá tập trung và cơ chế thị trường có sự điều tiết và quản lý của nhà nước. Nhưng cho dù ở thời kỳ nào, ở cơ chế kinh tế nào thì Nhà máy vẫn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm ngành dệt theo đúng ngành nghề đã đăng ký và theo đúng mục đích thành lập của Nhà máy. Tuy nhiên, do bộ máy nhân sự, cán bộ nhân viên nhà máy hoạt động quá lâu trong môi trường nhà nước với hệ thống khách hàng đã có sẵn nên trong cơ chế thị trường đòi hỏi sự cạnh tranh và đào thải rất lớn, Nhà máy gặp khó khăn trong việc giữ vững và mở rộng thị trường hiện có và đồng thời tìm kiếm và xâm nhập vào thị trường mới. Đây là yếu tố quyết định cho sự sống còn của Nhà máy.

11. Vị thế của Nhà máy so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Vị thế của Nhà máy trong ngành

Là 1 đơn vị của ngành công nghiệp dệt may, bên cạnh rất nhiều Doanh nghiệp lớn cùng sản xuất các mặt hàng khăn xuất khẩu như: Công Ty TNHH May Xuất Khẩu Đăng Dương, Xi Nghiệp Dệt May Nam Thành, Công Ty Cổ Phần Dệt Gia Dụng Phong Phú, Công Ty TNHH MTV Huân Phương, Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu Hưng Thịnh Phát (Khăn lông Thịnh Vinh) Ngoài ra Nhà máy còn chịu sự cạnh tranh rất lớn của các làng nghề sản xuất khăn lâu năm như: Làng nghề La Cả (Hoài Đức), Làng Mẹo (Thái Bình); Làng nghề Phùng Xá (Mỹ Đức).... với giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng, chất lượng tốt, các sản phẩm xuất cả sang các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc. Vì vậy, Nhà máy hiện gặp rất nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh thị trường để đẩy mạnh bán hàng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Thị trường chính của Công ty:

- Xuất khẩu: Nhật Bản, Hàn Quốc
- Nội địa: khăn bông, áo choàng tắm các loại tại hệ thống siêu thị

Triển vọng phát triển ngành

Ngành dệt may Việt Nam được đánh giá là ngành có lợi thế so sánh cao nhờ các yếu tố:

Nguồn lao động dồi dào và giá nhân công rẻ, tuy nhiên đây không phải là yếu tố ổn định trong cạnh tranh. Khi trình độ khoa học kỹ thuật nâng cao, lợi thế về lao động sẽ không còn sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nữa.

Vị trí địa lý và điều kiện giao lưu hàng hoá: Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam á, vị trí của Việt Nam cũng thuận tiện cho việc phát triển giao lưu hàng hải quốc tế với các khu vực trên thế giới với bờ biển dài, có nhiều hải cảng nước sâu và có khí hậu tốt...

Khả năng cung cấp nguyên liệu: Việt Nam có rất nhiều vùng có điều kiện khí hậu thổ nhưỡng phù hợp cho sự phát triển cây bông. Nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa truyền thống của VN đã được phát triển với việc áp dụng kỹ thuật mới, cho ra đời các sản phẩm có chất lượng cao, được ưa chuộng trên thế giới tuy sản lượng còn thấp.

Khả năng đổi mới thiết bị công nghệ: Trang thiết bị ngành may đã có những thay đổi đáng kể với các thiết bị công nghệ mới của các nước tiên tiến, có thể sản xuất những mặt hàng chất lượng quốc tế. Phần lớn các doanh nghiệp may có quy mô vừa và nhỏ, có khả năng thích nghi linh hoạt, dễ dàng đổi mới trang thiết bị, công nghệ theo điều kiện biến động của thị trường.

Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ: Ngành dệt may với đặc điểm có hàm lượng lao động lớn và có tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu cao, được xếp vào lĩnh vực khuyến khích đầu tư phát triển. Nhiều chính sách thương mại và đầu tư đã có tác dụng thiết thực trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, tháo gỡ những khó khăn của doanh nghiệp dệt may và thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực này.

Khả năng cạnh tranh: Xuất phát từ những lợi thế trên, mặc dù sản phẩm dệt may của Việt Nam hầu như chưa được biết đến trên thị trường thế giới nhưng sản phẩm may xuất khẩu của Việt Nam được đánh giá cao về nhiều phương diện. Chất lượng sản phẩm tốt và ổn định, thời gian giao hàng được xem vào loại tốt nhất so với các nước Châu Á.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Nhà máy với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới, Nhà máy đã xây dựng kế hoạch phương án hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể như, kế hoạch nâng cấp công suất nhà máy, đầu tư thêm hệ thống trang thiết bị để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

Định hướng phát triển của Nhà máy phù hợp với quy hoạch phát triển chung của Thành phố cũng như triển vọng phát triển ngành trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND Tp Hà Nội về việc cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai nhằm các mục tiêu:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Điều kiện cổ phần hóa

- Nhà máy Dệt Minh Khai luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND Tp Hà Nội và các cơ quan Ban ngành của Thành phố. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Nhà máy xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Nhà máy được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội và Giám đốc Nhà máy Dệt Minh Khai đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để.
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Nhà máy sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa là ***“kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”***.

4. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MINH KHAI**
- Tên tiếng Anh: **Minh Khai Textile Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Mikhatex JSC.**
- Trụ sở chính: 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 043 862 4271 043 862 4002 043 862 1971
- Fax: 043 862 4255
- Email: imex@mikhatex.com
- Website: <http://www.mikhatex.com>
- Biểu tượng (LOGO):



4.1 Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc các doanh nghiệp nhà nước tập trung hoạt động các ngành nghề kinh doanh chính, Nhà máy tiếp tục duy trì các ngành nghề kinh doanh hiện có, cụ thể như sau:

**Bảng 13: Ngành nghề kinh doanh của Nhà máy
sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần**

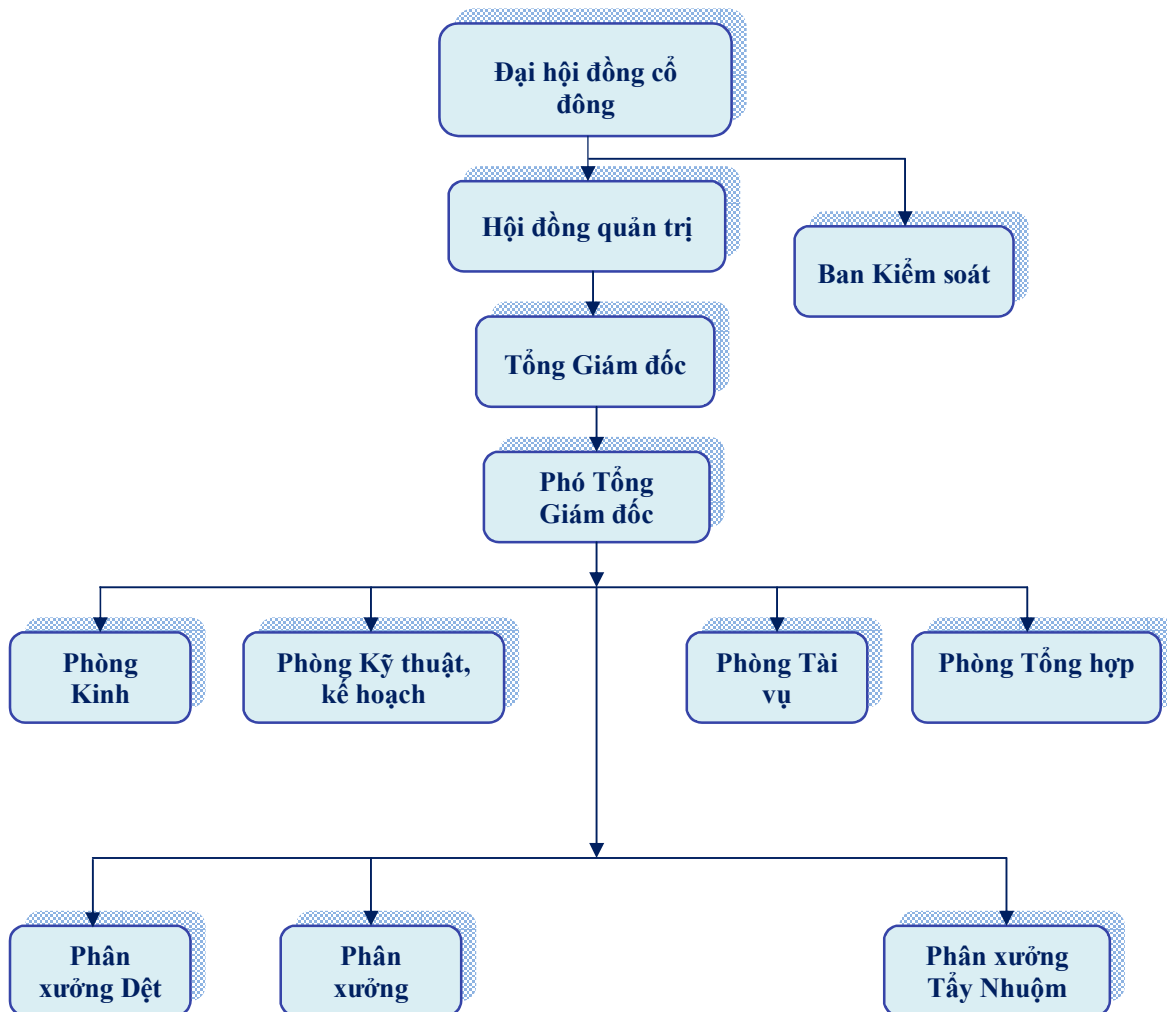
TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất sợi;	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi;	1312
3	Hoàn thiện các sản phẩm dệt;	1313
4	- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông; + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự; + Các loại vải bằng đan móc khác.	1321

	- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.	
5	Sản xuất, gia công hàng may sẵn;	1322
6	Sản xuất thảm, chăn, đệm;	1323
7	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua; - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dài hoặc mẫu ren rời để trang trí; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác như: quần áo đi săn, vải buổi, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng ... - Sản xuất các loại vải quần áo dễ co giãn.	1329
8	May trang phục;	1410
9	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;	1430
10	Sản xuất giày, dép;	1520
11	Sản xuất sợi nhân tạo;	2030
12	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
13	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác: - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và các hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc, giày dép; - Bán buôn hoá chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da;	4771
16	Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
17	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523

18	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Luật kinh doanh bất động sản

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Nhà máy Dệt Minh Khai)

4.2 Mô hình tổ chức:



4.3 Nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn:

4.3.1. Phòng Tài vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Công ty;

- Tổ chức và triển khai các quy định của Nhà nước về kế toán thống kê, quản lý các đối tượng tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty;
- Tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty;
- Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách và biểu kế toán theo quy định hiện hành;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn tiền, vốn một cách hiệu quả để tư vấn cho ban giám đốc.

4.3.2. Phòng Tổng hợp:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác quản lý tiền lương, thu nhập, công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty;
- Tổ chức xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương; lập và quản lý hồ sơ lao động, hợp đồng lao động của toàn thể CB - CNV trong Công ty;
- Tuyển dụng lao động có chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Lập kế hoạch và tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCNV, tổ chức nâng bậc, nâng lương hàng năm;
- Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách của nhà nước và Công ty có liên quan đến người lao động;
- Giữ chức năng thường trực Hội đồng kỷ luật, Hội đồng bảo hộ lao động và giám sát công tác PCCN, bảo vệ môi trường của Công ty;
- Xây dựng và giám sát thực hiện các Nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đáp ứng với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự trong toàn Công ty. Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, PCCN của Công ty;
- Thực hiện nghiệp vụ hành chính, quản lý đất đai, nhà xưởng, phương tiện vận tải và cung cấp thiết bị văn phòng toàn Công ty;
- Thực hiện công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;
- Thường trực Công ty trong công tác đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện của Công ty;
- Tổ chức và triển khai thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, giới thiệu lên tuyến trên khám và điều trị cho CBCNV theo chế độ của nhà nước;

- Phụ trách theo dõi công tác thuê và cho kho bãi.

4.3.3. Phòng Kỹ thuật, Kế hoạch

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc theo dõi, triển khai kế hoạch sản xuất.
- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác xuất nhập khẩu
- Thực hiện triển khai nhận và giao gia công đối với các đối tác bên ngoài.
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý vật tư, nguyên nhiên liệu, thành phẩm và bán thành phẩm trong toàn Công ty;
- Thường xuyên theo dõi nắm vững pháp luật, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về xuất nhập khẩu để tiến hành mua vật tư và xuất các sản phẩm đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế;
- Xây dựng kế hoạch cân đối nhu cầu vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, bảo đảm cung ứng, cấp phát, hạch toán kịp thời đúng tiến độ theo yêu cầu kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, quản lý máy móc, thiết bị và định hướng phát triển khoa học, kỹ thuật trước mắt cũng như lâu dài của Công ty;
- Tổ chức nghiên cứu thiết kế, chế thử sản phẩm mới theo kế hoạch của Công ty và khách hàng; thực hiện công tác điều độ sản xuất của Công ty;
- Tổ chức triển khai đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất;
- Quản lý máy móc, thiết bị toàn Công ty và lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng theo định kỳ và đột xuất; lập các hướng dẫn công việc và quy trình về sử dụng thiết bị đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Tổ chức giám định các thiết bị có yêu cầu quản lý nghiêm ngặt;
- Triển khai công tác thi tay nghề và nâng bậc của công nhân;
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm của toàn Công ty;
- Thường trực công tác ISO toàn Công ty;
- Tổ chức, thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, bán thành phẩm đầu vào, các chi tiết sản phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất;

- Xác định và thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các phân xưởng;
- Phân tích và tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý các dữ liệu thông tin trong quá trình sản xuất có liên quan đến chất lượng sản phẩm;
- Tham gia tổ chức và trực tiếp tham gia các đợt đánh giá hệ thống quản lý chất lượng do Công ty hoặc các đơn vị ngoài Công ty thực hiện;
- Theo dõi và đề xuất những thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng, trình lãnh đạo xem xét. Tham gia giúp lãnh đạo Công ty về nội dung và chương trình cho buổi họp định kỳ xem xét của lãnh đạo về HTQLCL của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

4.3.4. Phòng Kinh doanh:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, điều độ sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh tế; trước mắt cũng như lâu dài;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nguyên liệu;
- Tổ chức theo dõi thực hiện việc vận chuyển thành phẩm nhằm đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng cao;
- Quản lý, sử dụng hoá đơn tự in của Công ty theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế và quy định của Công ty;
- Tổ chức, theo dõi và thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm. Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu khách hàng để đưa ra các kế hoạch sản xuất, chiến lược thu hút khách hàng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm;

4.3.5. Phân xưởng dệt:

- Thực hiện sản xuất vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

4.3.6. Phân xưởng may:

- Thực hiện sản xuất các sản phẩm may theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

4.3.7. Phân xưởng tẩy nhuộm:

- Thực hiện sản xuất các sản phẩm tẩy nhuộm theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

4.4. Vốn điều lệ

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 là: **31.711.722.257** đồng

- Vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần dự kiến: **32.000.000.000** đồng

(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng chẵn)

- Tổng số cổ phần là: 3.200.000 cổ phần.
- Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng Việt Nam.

5. Phương án sản xuất kinh doanh:

- + Trong thời gian khoảng 3-5 năm sau khi cổ phần hóa, từ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ngành nghề chính và nhân lực cũng như những thế mạnh hiện có như:
 - +Tiền thân của Nhà máy Dệt Minh Khai là Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt Minh Khai có bề dày kinh nghiệm gần 40 năm trong sản xuất và kinh doanh khăn mặt, khăn tắm, tã, thảm chùi chân,v.v ...
 - +Thương hiệu Mikhatex đã có uy tín trên thị trường nội địa và xuất khẩu.
 - +Nhà máy có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân viên có năng lực chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Công ty xác định tập trung vào 02 lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

5.1. Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng truyền thống, chủ yếu của Công ty là khăn bông, các sản phẩm sản xuất từ vải nổi vòng và các loại vải có yêu cầu đặc biệt khác:

- Sản lượng sản xuất của công ty duy trì trong khoảng 60-80 tấn sản phẩm/ tháng và đạt 720 tấn đến 960 tấn sản phẩm/năm.

- Doanh thu đạt từ 8,0 tỷ đồng/tháng đến 10,0 tỷ đồng/tháng, đạt 96-120 tỷ đồng/năm.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính gồm:
 - + Nội địa:
- Tiêu thụ khách sạn: 30-40%;
- Tiêu thụ trong hệ thống siêu thị, các điểm bán lẻ: 10-20%.
- + Nước ngoài:
- Thị trường Nhật: 40%;
- Thị trường khác: 10%.

5.2 Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng khác mà luật pháp cho phép (theo ngành nghề kinh doanh đăng ký):

- Công ty chủ động mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển chiều sâu của ngành nghề chính và mở ra các hướng kinh doanh khác mà pháp luật cho phép đảm bảo sự phát triển đa dạng và lâu dài của Công ty.

6. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa:

- Sau khi cổ phần hoá Công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của Công ty. Người lao động có cơ hội làm chủ doanh nghiệp, quyền lợi và trách nhiệm của cổ đông và người lao động trong toàn Công ty gắn liền với lợi ích và sự phát triển của doanh nghiệp. Đây thực sự là cơ hội để phát huy nội lực và tính tự chủ của doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh, phát huy quyền làm chủ của người lao động tham gia vào quá trình điều hành, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp;
- Một số mục tiêu cơ bản về định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai như sau:
 - +Mục tiêu thị trường: Giữ vững và phát triển thị trường nội địa và quốc tế, mở rộng kênh bán lẻ sản phẩm giúp ổn định quá trình sản xuất.
 - +Mục tiêu lợi nhuận: Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm.
 - +Đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ, người lao động của Công ty.
 - +Đảm bảo thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước.

7. Kế hoạch đầu tư nhằm cân đối và phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có giai đoạn 2015-2017

Bảng 14: Danh mục Máy móc thiết bị và vốn đầu tư mới sau cổ phần hóa

T T	Năm	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Cộng	
	MMTB đầu tư	Số lượng (cái)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng (cái)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng (cái)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng (cái)	Giá trị (tỷ đồng)
1	Máy dệt thoi khí	4	5	4	5	4	5	12	15
2	Máy may dệt tự động	2	0,35	2	0,35			4	0,7
3	Máy vắt 1,5m	1	0,7					1	0,7
4	Máy sấy rung	1	0,7					1	0,7
5	Máy tổ xoắn			1	0,9			1	0,9
	Cộng	9	7,65	9	8,05		5	19	18,0

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai)

- Tổng vốn đầu tư là 18,0 tỷ đồng, trong đó vốn tự có và nguồn khác chiếm 25%, còn lại là vốn vay ngân hàng chiếm 75%.
- Vốn vay đầu tư dài hạn trong vòng 5 năm, tổng số vốn phải trả bình quân là 5,13 tỷ đồng trong đó có 3,6 tỷ đồng tiền gốc và lãi 1,53 tỷ đồng. Phần chi phí này do đầu tư bổ sung hợp lý hóa dây chuyền sẽ tăng thêm 30-35% sản lượng sản phẩm khi tiêu thụ sẽ đủ bù đắp chi phí đầu tư. Khi đầu tư mới, Công ty sẽ lập dự án đầu tư và tính toán chi tiết sẽ cho kết quả cụ thể mới quyết định đầu tư toàn bộ hay chọn từng loại máy cần nhất để đầu tư.

8. Dự kiến các chỉ tiêu chính 3 năm sau Cổ phần hóa từ 2015 đến 2017:

Bảng 15: Một số chỉ tiêu cơ bản sau cổ phần hóa

TT	Năm thực hiện	ĐVT	Thực hiện Năm 2013	Dự kiến Năm 2014		Dự kiến Năm 2015		Dự kiến Năm 2016		Dự kiến Năm 2017	
	Chỉ tiêu		Giá trị	Giá trị	% /2013	Giá trị	% /2014	Giá trị	% /2015	Giá trị	% /2016
1	Doanh thu thuần	tỷ đồng	87,10	92,8	6%	100	10%	110,0	10%	120	10%
2	Tổng chi phí hoạt động	tỷ đồng	85,20	90,0		97,0		106,0		115,5	

3	Số lao động	người	235	230		220		230		250	
4	Thu nhập người lao động/tháng	Triệu đ/ng/th	2,5	4,2		5,5		6,0		6,5	
5	Tổng số nộp ngân sách	tỷ đồng	1,7	2,0		2,2		2,5		3,0	
6	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	0,895	2,8		3,0		4,0		4,5	
7	Tỷ lệ cổ tức	%				5,5%		7,5%		8,5%	
8	Đầu tư mới					7,65		8,05		5,0	
9	Vốn KD		47,1	32,0		39,65		47,70		52,70	

(Lưu ý: Tỷ lệ cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định sau mỗi kỳ Đại hội và dựa trên cơ sở thực tế tại thời điểm Đại hội được triệu tập và sẽ quyết định sau)

9. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa:

9.1. Phát triển nguồn nhân lực:

- Nhân tố con người quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi cổ phần hóa, Công ty phải có chính sách cũng như Quy chế minh bạch, rõ ràng đối với việc tuyển dụng, sử dụng, sắp xếp bố trí nhân sự, lao động một cách khoa học, thực tế và hiệu quả. Cụ thể như sau:
- Tiếp tục duy trì việc phân công, bố trí việc làm phù hợp và thuận lợi đối với sức khỏe, năng lực người lao động trong Công ty.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.
- Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần.
- Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban, phân xưởng theo hướng gọn nhẹ, giảm biên chế và giữ lại người lao động tinh thông nghề nghiệp.
- Cải thiện chế độ trả lương để tạo động lực thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.
- Tạo mọi điều kiện để người lao động trong Công ty đều được mua cổ phần của Công ty.

- Đảm bảo tốt điều kiện và môi trường làm việc, an toàn lao động cho CB - CNV trong Công ty.

9.2. Nâng cao năng lực quản lý:

- Sau khi cổ phần hóa, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này nhằm nâng cao tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý và tính hiệu quả khi giải quyết công việc.
- Công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật,... phải được thực hiện một cách chặt chẽ, công khai, minh bạch để phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động, đồng thời duy trì tính kỷ luật, tính tự giác của người lao động, chống thất thoát tài sản, vật tư, hư hỏng máy móc, thiết bị và công cụ lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.
- Người đứng đầu các đơn vị phòng ban, phân xưởng là người chịu trách nhiệm toàn bộ về việc hoàn thành nhiệm vụ của phòng ban, phân xưởng trước Ban Giám đốc.

9.2.1 Công tác quản trị và điều hành

- Tổ chức quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành gọn nhẹ hiệu quả thông qua việc xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và các phần mềm quản lý).
- Ứng dụng các tiến bộ của CNTT, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý khách hàng, quản lý tồn kho vật tư thiết bị, kế toán....
- Kiện toàn và sắp xếp nhân sự toàn công ty hoạt động theo cơ chế cổ phần hoá. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự cho kế hoạch mỗi năm.
- Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh. Khống chế tỷ lệ lao động gián tiếp/ trực tiếp hằng năm ở mức 10- 15%.
- Xây dựng các chức danh phù hợp với phạm vi công việc rõ ràng cho mọi thành phần nhân lực trong Công ty. Các chức danh có chính sách đào tạo được chi tiết theo các vị trí đã quy hoạch và theo nhu cầu mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.
- Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.

9.2.2 Giải pháp phát triển thị trường, phát triển thương hiệu

- Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu thông qua các sự kiện thương mại ngành, đặc biệt chú trọng phát triển đa dạng mẫu mã đi đôi với chất lượng ổn định.
- Củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ với các đơn vị trong ngành. Xây dựng hệ thống xếp loại khách hàng để có chính sách khách hàng hợp lý cho từng đối tượng khách hàng. Tích cực đàm phán, xử lý các vấn đề liên quan và theo dõi sát sao tiến độ triển khai của các dự án trong ngành để thực hiện việc cung cấp các sản phẩm, nguyên liệu.
- Đẩy mạnh phát triển hệ thống bán lẻ, bán hàng qua siêu thị, bán hàng online ... nhằm quảng bá thương hiệu và ổn định sản xuất.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi chuyên nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cung cấp cho thị trường. Luôn áp dụng các tiến bộ khoa học mới nhất của ngành nhằm nâng cao chất lượng, giảm chi phí trong sản xuất.

9.2.3 Giải pháp về văn hoá và chính sách nhân viên

- Xây dựng và thực hiện thành công văn hoá MIKHATEX trên tinh thần thân thiện, chia sẻ và nhân văn.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV thông qua chính sách lương, thưởng công bằng, công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.
- Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, giao lưu đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty.

9.3. Nâng cao năng lực tài chính:

- Công ty thực hiện các biện pháp huy động vốn để tập trung cho các dự án, các chương trình đầu tư cho sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Công tác tài chính, kế toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh phải được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ và bám sát thực tế.

10. Tổ chức và tiến độ thực hiện

- Trên cơ sở Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm sau cổ phần hóa (2015-2017), Công ty tổ chức thực hiện theo tiến độ như sau:
 - + Năm 2014 Nhà máy Dệt Minh Khai hoàn tất các thủ tục theo hướng dẫn của các Sở, Ban ngành Thành phố để có quyết định chuyển sang hoạt động của Công ty cổ phần.
 - + Năm 2015-2017 tập trung thực hiện phương án sản xuất đã đề ra, rà soát sắp xếp lại cơ cấu dây chuyền sản xuất, bộ máy quản lý đảm bảo gọn nhẹ đồng bộ phát huy tối đa công suất các công đoạn, đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người lao động.

+ Năm 2017 trở đi, Công ty sẽ xây dựng dự án di dời ra khỏi nội đô thực hiện theo quy hoạch của thành phố và đảm bảo sự phát triển bền vững cho Công ty. Dự kiến di dời Công ty đến Khu công nghiệp Phố Nối – Hưng Yên hoặc Khu công nghiệp Đồng Văn – Hà Nam. Công ty sẽ tiến hành lập Phương án và thực hiện các bước di dời đến địa điểm mới theo quy định của Chính phủ và Thành phố.

PHẦN V: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1 Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ : **32.000.000.000 đồng**
(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng chẵn)
- Số cổ phần : **3.200.0 cổ phần**
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần** (Bằng chữ: Mười nghìn đồng chẵn)

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là Cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo qui định của Điều lệ và Pháp luật có liên quan.

2 Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 16: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến

STT	Cơ cấu cổ đông	Giá trị vốn góp (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	11.200.000.000	1.120.000	35,0
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động Trong đó:	4.309.000.000	430.900	13,47
	Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	3.623.000.000	362.300	11,32
	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	686.000.000	68.600	2,14
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	16.491.000.000	1.649.100	51,54
	Tổng cộng	32.000.000.000	3.200.000	100

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Nhà máy Dệt Minh Khai)

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ năm 2007, do đó những biến động của kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2013 kết thúc với những dấu hiệu được cải thiện khá hơn so với năm 2012. Tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 5,42% gần mục tiêu 5,5% và cao hơn con số 5,25% năm 2012. Tuy nhiên nền kinh tế còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh như: hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Theo các chuyên gia dự báo, năm 2014 sẽ là năm kinh tế phục hồi dựa trên những tín hiệu lạc quan từ thị trường cuối năm 2013. GDP năm 2014 dự báo tăng cao hơn khoảng 5,7-5,8% năm 2013 nhưng vẫn sẽ ở mức thấp so với tiềm năng (6%) do còn nhiều thách thức trong vấn đề giải quyết dứt điểm vấn đề nợ xấu và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Áp lực về lạm phát sẽ dẫn tới sự gia tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí nhân công. Do đó, khi chi phí đầu vào tăng thì Công ty sẽ phải lên kế hoạch tăng giá thành sản phẩm. Vấn đề này cũng ảnh hưởng khiến lợi nhuận kinh doanh Công ty giảm.

Nền kinh tế nước ta trải qua giai đoạn dài từ 2007 – 2013 với nhiều các vấn đề thách thức đặt ra như lạm phát, cắt giảm đầu tư công, tăng trưởng tín dụng, nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng, tỷ giá và giá vàng nhiều biến động... Tuy nhiên sau nhiều giải pháp và nỗ lực quyết liệt của Chính phủ đặc biệt là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, dấu hiệu khả quan về sự phục hồi của nền kinh tế đã dần xuất hiện từ năm 2013.

Tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế sẽ gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; được thực hiện đồng bộ trong tất cả các ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước và từng địa phương, đơn vị cơ sở trong nhiều năm. Trong đó, tập trung vào 3 lĩnh vực quan trọng nhất: Tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Kinh tế Việt Nam theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trình bày, theo đó kinh tế tiếp tục tăng trưởng; quý I đạt 5,09%, quý II đạt 5,25%, quý III đạt 6,19%, tính chung 9 tháng đạt 5,62%, cao hơn cùng kỳ 2 năm trước; ước cả năm 2014 đạt khoảng 5,8 trong năm 2014. Dự báo nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng đem lại kỳ vọng trong các lĩnh vực kinh doanh của Nhà máy Dệt Minh Khai trong các năm tiếp theo.

2. Rủi ro pháp lý

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thương mại... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

Là doanh nghiệp Nhà nước đang chuyển đổi sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, Luật doanh nghiệp, luật thuế, quy định về Công ty cổ phần....

Sau khi chuyển đổi, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Biến động lao động

Biến động lao động trong ngành dệt may luôn ở mức cao so với các ngành khác, đây là một điểm hết sức đặc thù. Tỷ lệ biến động lao động bình quân trong các năm trước vào khoảng 10 %/năm, tuy nhiên Nhà máy áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ và nâng cao điều kiện làm việc dẫn đến người lao động có việc thường xuyên, thu nhập khá, môi trường lao động được cải thiện nên Nhà máy đã giảm bớt được rủi ro đặc thù này.

3.2 Rủi ro về tỷ giá, lãi suất

Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Các doanh nghiệp dệt may thường sản xuất theo mùa

vụ và thay đổi mẫu mã sản phẩm theo đơn hàng do vậy, với những doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính cao sẽ gặp khó khăn trong thanh toán nợ vay khi lãi suất tăng.

3.3 Rủi ro về các yếu tố nguyên vật liệu đầu vào

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của Nhà máy chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Do đó, Nhà máy có thể sẽ gặp phải rủi ro khi giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động bất thường dẫn đến việc tăng giá nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, rủi ro này cũng được giảm nhẹ bởi khả năng dự trữ nguyên vật liệu và các mối quan hệ mật thiết với các nhà cung cấp trong và ngoài nước.

3.4 Rủi ro cạnh tranh khi hội nhập

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp dệt may mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa.

Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2007 ngoài cơ hội được hưởng lợi từ sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan thì doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung và Nhà máy Dệt Minh Khai nói riêng lại chịu áp lực rủi ro cạnh tranh quá lớn từ các công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự phát triển của các doanh nghiệp dệt may nói chung và Nhà máy Dệt Minh Khai nói riêng nhằm giữ vững và phát triển thị trường.

Hiện tại Việt Nam đang tích cực tham gia các vòng đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP). Nếu đầu năm 2015 Hiệp định này được ký kết, thuế suất thuế nhập khẩu hàng Dệt may tại các nước tham gia Hiệp định giảm xuống còn 0%, tính cạnh tranh của hàng Dệt may Việt Nam sẽ được tăng cao trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên để đón đầu Hiệp định này, hàng loạt các dự án của các công ty dệt may Trung Quốc đã được cấp phép với quy mô vốn lớn (Đầu tháng 10-2014, nhà máy của Công ty TNHH Liên doanh Nam Phương Textile Limited đã được khởi công xây dựng tại tỉnh Bình Dương với vốn đầu tư 120 triệu USD. Dự án do Tập đoàn Haputex Development Limited (Hồng Kông - Trung Quốc) và Công ty CP Đầu tư phát triển Việt Hương hợp tác liên doanh. Nhà máy chuyên về dệt may này dự kiến cung cấp cho thị trường cả vải dệt, sợi các loại và sản phẩm may mặc xuất khẩu. Tại KCN Đông Nam (huyện Củ Chi, TP HCM), Công ty Forever Glorious thuộc Tập đoàn Sheico (Đài Loan - Trung Quốc) cũng triển khai dự án dệt vải, may xuất khẩu trị giá 50 triệu USD. Công ty Gain Lucky Limited thuộc tập đoàn may Shenzhou International (Trung Quốc) đã lập Công ty TNHH Worldon Việt Nam để xây dựng nhà máy sản xuất hàng may mặc cao cấp với vốn đầu tư 140 triệu USD. Tập đoàn Dệt may Yulun Giang Tô (Trung Quốc) cũng vừa được chấp thuận xây dựng nhà máy 68 triệu USD tại Nam Định. Tập đoàn TAL (Hồng Kông - Trung Quốc) vừa được tỉnh Hải Dương duyệt dự án nhà máy

sản xuất sợi, dệt nhuộm và may mặc ở KCN Đại An với tổng mức đầu tư 600 triệu USD. TAL đã vào Việt Nam từ năm 2004 với nhà máy tại Thái Bình và xuất khẩu nhiều sản phẩm qua Mỹ) với lĩnh vực sản xuất chính là sản xuất sợi các loại – dệt – nhuộm và sản phẩm may mặc xuất khẩu. Nếu nhà đầu tư Trung Quốc kéo luôn nhà máy may kết hợp với nhà máy dệt – nhuộm thì các doanh nghiệp trong nước sẽ bị đứng trước nguy cơ mất cả thị trường nội địa (các chuyên gia kinh tế lo ngại họ đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất vải chỉ để phục vụ cho nhà máy may của họ, rồi quay sang cạnh tranh với chính doanh nghiệp dệt may trong nước về giá cả, đơn hàng xuất khẩu thì doanh nghiệp dệt may Việt Nam sẽ bị loại).

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc nhưng chưa hồi phục hoàn toàn, dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cổ phiếu giá rẻ trên thị trường khá nhiều, nhà đầu tư cũng ít quan tâm hơn đến hoạt động IPO, do đó việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Nhà máy Dệt Minh Khai sẽ gặp một số ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình chung của thị trường. Đây là đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành nên có thể rủi ro không bán hết số cổ phiếu chào bán. Trong trường hợp đó Tổ chức chào bán sẽ quyết định phương án phân phối số cổ phần chưa chào bán hết theo các quy định hiện hành.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Nhà máy Dệt Minh Khai.

II. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

Đối tượng mua cổ phần: Đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động hiện có tại doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (Theo điều 6 và điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

Đối với cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước tại doanh nghiệp: giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện: theo thông báo của Nhà máy Dệt Minh Khai sau khi có kết quả bán đấu giá cổ phần lần đầu.

Đối với cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: giá bán là giá đấu thành công thấp nhất trong đợt đấu giá công khai.

Thời gian thực hiện: theo thông báo của Nhà máy Dệt Minh Khai sau khi có kết quả bán đấu giá cổ phần lần đầu.

Cổ phần bán đấu giá công khai: Phương thức bán và thời gian thanh toán tiền mua cổ

phần được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu Nhà máy Dệt Minh Khai” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện căn cứ theo quy định tại Mục III thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính. Phần thặng dư (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần Nhà nước bán bớt cộng (+) cổ phần phát hành thêm) sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư. Phần còn lại (nếu có) sẽ được xử lý như sau:

- + Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá.
- + Phần còn lại để lại cho Công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ. Số tiền còn lại (nếu có) tiếp tục chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội.

IV. LƯU Ý VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NHÀ MÁY DỆT MINH KHAI

Theo Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 01/03/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Công ty TNHH NN MTV Dệt Minh Khai và Công ty TNHH NN MTV Dệt 19/5 Hà Nội, sáp nhập nguyên trạng tài sản, các vấn đề tài chính bao gồm cả công nợ phải thu phải trả, toàn bộ cán bộ công nhân viên, lao động hợp đồng của Dệt Minh Khai. Chấm dứt hoạt động của Dệt Minh Khai kể từ ngày 01/04/2011. Từ thời điểm đó, Dệt Minh Khai trở thành nhà máy hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội, không có tư cách pháp nhân, không có con dấu riêng.

Nhà máy cũng không thực hiện lập Báo cáo tài chính và toàn bộ số liệu về tài chính trong Bản công bố thông tin này đều do Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội cung cấp dựa trên số liệu của sổ sách kế toán Công ty và theo Phương án cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai đã được phê duyệt tại Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai.

V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Nhà máy

❖ Ông Phạm Công Bình : Phó Giám đốc Sở Tài Chính Hà Nội – Trưởng ban;

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội

Ông Đỗ Văn Minh : Tổng Giám đốc Công ty

Bà Trịnh Thị Hoa : Kế toán trưởng

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Nhà máy Dệt Minh Khai.

3. Đại diện Tổ chức Tư vấn

Ông Nguyễn Viết Thắng : Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

*Giấy ủy quyền số 08/2013/WSS-UQ ngày 26/11/2013
của Tổng Giám đốc.*

Chúng tôi đảm bảo rằng việc xây dựng và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của pháp luật nhưng không bao hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu tư mua cổ phần của Nhà máy Dệt Minh Khai.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2014

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ

TRƯỞNG BAN



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Công Bình

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Văn Minh



Trịnh Thị Hoa

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viết Thắng

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
 NHÀ MÁY DỆT MINH KHAI THUỘC CÔNG TY TNHH MTV DỆT 19/5 HÀ NỘI**